

# Nâng cao chất lượng dạy học Văn hóa Trung Quốc tại Việt Nam thông qua nghệ thuật dân gian Hát Bộ thời Minh

Dương Lâm\*, Nguyễn Thị Vân Quỳnh\*\*

\*GS. Đại học Nam Khai, Trung Quốc

\*\*Nghiên cứu sinh Đại học Nam Khai, Trung Quốc

Received: 13/2/2024; Accepted: 16/2/2024; Published: 19/2/2024

**Abstract:** Like other social things, the rise and fall of *Quyí* also varies with the changes of the society. Some of the extinct forms of *Quyí* have left relatively rich documentary records, and we can trace their ups and downs today. Some leave very few data, only the faint trace in historical materials, waiting for someone to find out. This paper discusses three forms of *Quyí*—*Buxi* once popular in the Ming dynasty. The *Romance of a Twig Hairpin*, a famous play in the southern China, and the famous *Quyí* artist Yang Gong in the Ming dynasty faded in the long river of history, and people know nothing or very little about them. It will be helpful to understand the folk art forms of the Ming dynasty, the cultural exchange between China and foreign countries and to interpret the relevant literature.

**Keywords:** *Buxi*; *Huishu*; *Menci*; *Yang Gong*

## 1. Đặt vấn đề:

Nghệ thuật hát xướng dân gian cũng như các sự vật, hiện tượng khác trong xã hội, nó hình thành, lưu truyền và biến mất theo sự vận động của xã hội. Trong những loại hình nghệ thuật dân gian đã bị mai một, có một số loại hình được ghi chép tương đối phong phú. Ngày nay chúng ta có thể thông qua đó tìm hiểu nguồn gốc cũng như sự quá trình phát triển thăng trầm của nó; nhưng một số loại hình lại để lại thông tin vô cùng ít ỏi, giống như dấu chân chim hồng trên tuyết, chờ đợi những người quan tâm tới khám phá. Nam hí “Kinh thoa ký” (vở tuồng nói về sự phản bội), Na hí “Trương thiên sư bị ma mê hoặc” (đã từng rất phổ biến trong dân gian) và từ khúc Dương Cung (nghệ nhân lừng danh thời Minh) là những vở tuồng rất nổi tiếng thời Minh, nhưng ngày nay nó đã bị chìm sâu dưới dòng sông lịch sử, người thời nay không còn biết gì hoặc cũng chỉ biết rất ít về chúng.

Trong khuôn khổ bài báo này, nhóm tác giả chủ yếu giới thiệu về Bộ hí - loại hình nghệ thuật hát xướng dân gian nổi tiếng thời Minh, từ đó thấy rõ sự giao lưu văn hóa Trung Hoa với các nước trên thế giới, mối quan hệ giữa Bộ hí và nghệ thuật hát Bộ của Việt Nam; góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy học Văn hóa Trung Quốc tại Việt Nam.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm thuật ngữ

“Bộ hí” (hoặc Hát Bộ) là loại hình biểu diễn nghệ thuật kịch dân gian của Trung Quốc nổi tiếng thời nhà Minh.

### 2.2. Các ghi chép về Bộ hí trong cổ tịch Trung Quốc

Hồi thứ 19 của “Kim Bình Mai từ thoại” (sau đây gọi là “Từ thoại”) có đoạn: “Gọi bốn đào kép, cùng nhau hát xướng diễn trò, bộ hí”. “Từ điển Kim Bình Mai” do Vương Lợi Khí chủ biên (bản năm 1988 của Nhà xuất bản Văn sử Cát Lâm) đưa “bộ hí” liệt vào “Các từ ngữ khó hiểu đợi giải đáp trong Kim Bình Mai từ thoại”, hiện vẫn chưa được giải thích.

Theo “Đại từ điển Hán ngữ”: “Bộ hí là một loại hình hát kịch biểu diễn trên sân khấu.” Nhưng “bộ hí” không nhất thiết là diễn trên sân khấu, đoạn Tây Môn Khánh bày tiệc trong sân được diễn ngay trên mặt đất mà không dựng sân khấu, nên cách giải thích trên cũng chưa hẳn chính xác.

Một cách giải thích khác cho rằng, “Bộ hí” là hình thức biểu diễn trên mặt đất. Trong “Giải thích phương ngữ tục ngữ trong Kim Bình Mai” của Lí Thân cho rằng: “Bộ hí là hình thức hát kịch dân gian vùng Sơn Đông. Do khi biểu diễn không dựng sân khấu, diễn viên vừa đi vừa hát trên mặt đất bằng phẳng, lại đi bộ di chuyển nhiều vùng miền để biểu diễn nên mới có tên là Bộ hí”.

Trong “Từ điển Kim Bình Mai” bản sửa đổi của Bạch Duy Quốc lại nói: “Bộ hí là hình thức biểu diễn dân gian, khi biểu diễn không dựng sân khấu, diễn viên đứng trên mặt đất vừa đi vừa hát.” Cách giới thiệu “lại đi bộ di chuyển nhiều vùng miền” là đang giải thích ý nghĩa cho từ “Bộ”. Nếu như vậy thì có liên quan gì đến biểu diễn trên sân khấu? Có hay không có sân khấu cũng khác gì nhau đâu? Vì vậy cách giải thích này cũng chưa thuyết phục.

“Tư điển Hán ngữ cận đại” do Cao Văn Đạt chủ biên giải thích: “Bộ hí, diễn kịch. Cũng có nghĩa là gánh hát.” Cách giải thích này không có sức thuyết phục khó mà đưa vào vận dụng trong tư liệu.

“Kim Bình Mai từ thoại” của Bạch Duy Quốc bản thứ nhất giải thích: “Bộ hí, tức là Bách hí”, chính Bạch Duy Quốc sau đó đã loại bỏ quan điểm này, nhưng nhiều người vẫn kiên trì với cách giải thích đó. Trong “Kim Bình Mai diễn giải lục” của Hoàng Lâm cho rằng: “Tôi rất hoài nghi “Bộ hí” chính là “Bách hí”; và “Bách hí” chính là diễn xướng, vậy nên ca hát và diễn xướng cũng chỉ là một, không có gì là phức tạp cả, chỉ là sai lệch con chữ mà sinh ra nhiều tranh cãi thôi.” Bách hí là tên gọi chung cho mọi loại hình ca múa diễn xướng cổ xưa. Tuy nhiên, sử liệu cho thấy Bộ hí là một hình thức kịch riêng biệt, việc đánh đồng nó với Bách hí là không hợp lý.

“Bộ hí khảo luận” của Phạm Lệ Mẫn và Lý Huyền Phi cho rằng: “Bộ hí là một cách gọi khác của hình thức tạp kịch viên bản thời Tống-Kim. “Tiểu nhạc viên bản” là một trong các hình thức đó. Lý do tại sao hình thức hát kịch thời Tống Kim lại được gọi bộ hí, người viết cho rằng do hình thức hát kịch này không giống với Bách hí vốn tập trung vào nhảy và múa, nó cũng không giống với hình thức Bắc Khúc tạp kịch thời Nguyên lấy hát làm chính và Nam Khúc hí văn thời Tống-Nguyên, cũng như dạng kịch Truyền kỳ thời Minh-Thanh.

Đặc điểm biểu diễn của loại hình kịch này chính là “bộ” tức là bước đi, chính vì vậy nó được gọi là “Bộ hí” (hát bộ). Giả thuyết này dựa vào ghi chép trong chương 12 của “Tư thoại”: “Chớp mắt đã đến ngày 25, Tây Môn Khánh kết hoa bày bàn mở tiệc, gia trung đãi khách. Bốn đào kép cùng hát xướng bộ hí... nghệ nhân ca xướng diễn trò, hồi số, ấy chính là tiểu nhạc viên bản. Rút xuống chuyển cảnh, hai tiểu đồng Lý Minh và Ngô Huệ lên đàn hát, thi thoảng thổi khúc thanh xúy; tiểu đồng rút xuống, bốn đào kép lại ra hát, bưng rượu bày tiệc.”

Đoạn trước mô tả cảnh bữa tiệc “cùng nhau diễn xướng bộ hí”, đoạn sau nói về “nghệ nhân ca xướng diễn trò, hồi số” tương ứng với “diễn xướng”, và “tiểu nhạc viên bản” tương ứng với “bộ hí”. Phân tích này là hợp lý. Còn nói “Bộ” (tức bước chân) tương ứng với cách biểu diễn khác như “nhảy”, “múa”, “hát” thì chưa hợp lý, ngoại trừ hình thức biểu diễn là ngồi để đàn hát, thì những hình thức biểu diễn khác đều có sự di chuyển.

“Tiểu nhạc viên bản” là một hình thức nghệ thuật tổng hợp, vừa có hát, biểu diễn lại có nhảy múa. Biểu

diễn kịch hát xướng dân gian nói chung đều chú trọng năm kỹ năng thủ-nhân-thân-pháp-bộ. Có thể do “bộ pháp” (cách di chuyển bước chân) của Bộ hí có sự độc đáo riêng nên mới dùng “Bộ” để đặt tên chẳng? Tuồng cổ hát bội Việt Nam có nguồn gốc từ Bộ hí của Trung Quốc, Tuồng cũng nhấn mạnh vào tư thế của bước chân chữ nhất (一), chân chữ đinh (丁). Điều này cũng có thể tham khảo cho việc đặt tên của loại hình kịch “Bộ hí”.

Có rất ít ghi chép về “Bộ hí”, dưới đây là những tài liệu tham khảo mà tôi đã tìm được:

*Hí cụ: Đu quay, con rối, mặt quý, quý lỗi (con rối gõ), khạp qua, điều, ngựa tre, bả hí, giác cô (bình đựng rượu), tượng hí (cờ tướng), bác hí (một loại cờ chơi), khiêu sư (múa sư tử), bộ hí, tẩu mã, ảnh hí (kịch bóng), tàng cru, ca vũ.* (Trích “Đại Minh nhất thống phú” của Mạc Đán thời Minh, quyển hạ, bản khắc của Trịnh Phổ năm Gia Tĩnh).

*Các lối hát thường gặp: tiểu xướng, thốn xướng, mạn xướng, đàn xướng, bộ hí, đạo tình, tát luyện, đãi phiên, biểu khiêu. Nam âm là ca, Bắc âm là khúc.* (Trích “Hiếu Dư Phổ - Bắc Khúc Phổ” quyển thứ mười ba của Trình Minh Thiện thời Minh)

*Sự thay đổi của ưu kịch: Ban đầu ở những bữa tiệc lớn, hí được diễn lúc đầu gọi là bộ hí, theo kịch bản cũ, tiệc có khách nữ và phụ mẫu thì dùng quý lỗi (con rối gõ), nay chuyển thành kịch mới, vai đàn (nữ chính) là phải là kỹ nữ, chẳng thể đáp ứng đủ.* (Trích “Tùng Giang phủ chí” cuốn thứ bảy của Trần Kế Nho thời Minh, bản khắc năm Sùng Trinh thứ ba, 1630))

*Ngày mười hai (tháng 5, năm Sùng Trinh thứ 15, 1642), Bát tặc (ý chỉ Trương Hiến Trung) chúc thọ Quan tướng quân, hát kịch một ngày. Đầu tiên là tám anh kép hát riêng, sau đó bốn cô đào hát riêng, cuối cùng là bộ hí đại xướng.* (Trích “Lưu tặc Trương Hiến Trung hãm Lư Châu kí” của Dư Thụy Từ thời Minh, ghi trong “Dã sử vô văn” của Trịnh Đạt, in trong “Đài Loan văn hiến sử liệu tùng khan” tập 5, do Không Chiêu Minh chủ biên, Đài Loan Đại Thông thư cục xuất bản năm 1987).

*Địch Bó Trần hai mắt lão liên, bên đó bộ hí kiêu gì vậy, đến kịch rối cũng không có.* (Trích hồi thứ 38 “Tình thế nhân duyên truyện” của Tây Châu Sinh đầu thời Thanh)

Tổng hợp phân tích các trường hợp này, có thể đưa ra những kết luận sau:

**Thứ nhất**, Thuật ngữ “Bộ hí” trở nên phổ biến vào cuối thời Minh, đầu thời Thanh. **Thứ hai**, Bộ hí là một loại hình hí kịch có cả biểu diễn động tác và ca xướng. Thuật ngữ “cụ bản” ý chỉ tuồng cổ, cho thấy

Bộ hí có cốt chuyện. Thuật ngữ “Bộ hí đại xướng” là chỉ lối hát, chứng minh Bộ hí có cả phần hát. Ví dụ 1 còn chỉ ra rằng trong việc biểu diễn Bộ hí có sử dụng đạo cụ riêng.

**Thứ ba,** Bộ hí có những làn điệu riêng, vì vậy nó còn được hiểu là một loại hình nghệ thuật có giai điệu.

**Thứ tư,** Biểu diễn Bộ hí không bị giới hạn bởi địa điểm không gian, có thể diễn ra trên bãi đất phẳng hoặc trên sân khấu. Như đã nói trên, Tiểu nhạc viện bản thuộc Bộ hí, “Thủy hử truyện” hồi thứ 51 viết: “Nhìn trên sân khấu có biểu diễn tiểu nhạc viện bản.” Có thể thấy rằng Tiểu nhạc viện bản cũng biểu diễn trên sân khấu.

**Thứ năm,** Bộ hí phổ biến ở một số khu vực như Sơn Đông (như “Từ thoại”, “Tình thế nhân duyên truyện”), Tùng Giang (nay thuộc Thượng Hải), Thiểm Tây (Trương Hiến Trung là người huyện Định Biên, tỉnh Thiểm Tây) v.v... Nếu nói rằng Bộ hí là một loại hình hí kịch dân gian địa phương Thiểm Tây là chưa chính xác.

### 2.3. Bộ Hí và Hát Bội của Việt Nam

Mặc dù Bộ hí đã thất truyền ở Trung Quốc, nhưng may mắn đã truyền đến Việt Nam và đâm rễ đơm hoa kết trái ở vùng đất này. Jeffrey Edmund Curry (Mỹ) cùng cộng sự đã viết trong cuốn sách “Việt Nam” nói rằng: “Hát bội (Hát bộ) bắt nguồn từ Trung Quốc, tuy nhiên, giống như các lễ hội tôn giáo, người Việt Nam lưu giữ và phát huy Hát Bội như là một nét văn hóa độc đáo riêng của mình.”

Trong tác phẩm “Anh hùng nhân dân của chúng ta”, Nguyễn Lương Bằng viết: “Suốt ngày, chúng tôi chỉ toàn ăn và chơi, đánh bài, hát bội, hát tuồng, vô cùng náo nhiệt.

Khi mở cửa nhà lao, nhìn thấy ai đi ngang qua đều trêu ghẹo vài câu.” Bộ hí trong tiếng Việt gọi là Hát Bội, “hát” có nghĩa là ca hát, “bội” là bước đi. Do cách phát âm của “bộ” gần giống với “bội” (nghĩa là đeo, mang), hơn nữa đảo kép khi biểu diễn thường đeo ngọc bội và các loại trang sức khác nên dần dần còn được gọi là Hát Bội (佩戏). Dưới đây là cách giải thích từ “bội” trên Website Hội Bảo Tồn Di Sản Hán Nôm Việt Nam:

Quốc Ngữ	Hán-Nôm	Mã unicode	Context	Ref.	Tiếng anh
bội	佩	U+4f69	bội đao; bội ngọc (thứ đeo bên mình)	gdhn	gem to wear

Từ đó có thể thấy rằng cái tên “Hát Bội” (佩戏) có từ thời cổ đại. Trong Tiếng Việt hiện đại, từ “bội” đã không còn mang nghĩa “đeo” nữa.

Việt Nam có một thuật ngữ khác nữa gọi là Hát

tuồng (唢剧). Giới học thuật Việt Nam thường cho rằng Hát Bội, Hát Bội, Hát Tuồng là cùng một loại hình nghệ thuật sân khấu, nguồn gốc của nó là hát kịch cổ Trung Quốc, tuy nhiên cụ thể được truyền đến Việt Nam vào thời gian nào vẫn còn đang tranh luận, có thuyết cho rằng từ thời Tiền Lê (980—1009), thuyết Trần Triều (1225—1400), thuyết Hậu Lê (1428—1789) v.v..... Nếu cho rằng Hát Tuồng được phát triển từ Bộ hí, thì theo các tài liệu về Bộ hí của Trung Quốc ghi chép lại, có thể Tuồng được truyền sang Việt Nam khoảng từ thế kỷ XVI, vì trước đó ở Trung Quốc không có ghi chép gì về Bộ hí.



Kịch bản Tuồng cổ Việt Nam “Son hậu diễn ca”, tương truyền là tác phẩm do Đào Duy Từ biên soạn. Bản khắc năm Khải Định thứ 6 (năm 1921), hiện lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.

### 3. Kết luận

Nghệ thuật hát xướng dân gian thường được hình thành, tồn tại và phát triển từ đời sống chân thực của người dân, phản ánh đời sống, xã hội, chính trị của một giai đoạn lịch sử. Tìm hiểu nghệ thuật Bộ Hí giúp phân nào hiểu rõ hơn về xã hội Trung Quốc thời Minh, cũng như sự giao thoa văn hóa của Trung Quốc với các nước xung quanh. Sự dịch chuyển của Bộ Hí sang Việt Nam càng cho thấy rõ điều đó. Bài viết cũng là tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác giảng dạy và học tập các bộ môn Trung Quốc học, văn hóa Trung Hoa ... tại các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam; đồng thời góp phần nghiên cứu khảo cứu hình thành và xuất xứ bộ môn nghệ thuật truyền thống dân gian Hát Bội, Hát Tuồng của Việt Nam.

#### Tài liệu tham khảo

1. 白维国 (2005): 《金瓶梅词典》(修订本), 线装书局
2. 黄霖 (2008): 《金瓶梅讲演录》, 广西师范大学出版社
3. (Mỹ) 杰佛瑞 (2001) • 柯瑞等: 《越南》, 彭玲娴译, 广东旅游出版社
4. 孔昭明主编 (1987): 《台湾文献史料丛刊》第 5 辑, 大通书局
5. Nguyễn Lương Bằng (1961): *Dân tộc anh hùng của chúng tôi*, NXB Ngoại văn Việt Nam. Hà Nội